

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 14 – 4 - 2022  
V/v “ Tranh chấp ly hôn và con  
chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tài

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Gò Dầu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham  
gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Tân- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây  
Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2021/TLST- HNGĐ ngày 09  
tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ  
án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các  
đương sự:

Nguyên đơn: Chị P, sinh năm 1977. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh T, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện chị P trình bày:* Chị và anh T tự nguyện chung sống  
với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh P đến  
năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T làm có tiền bao  
nhiều tự tiêu xài cá nhân mà không quan tâm lo lắng cho gia đình, nên vợ chồng  
thường hay cãi vã nhau, từ đó chị và anh T sống ly thân luôn đến nay. Nay nhận  
thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly  
hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu K, sinh ngày 22-01-2015, hiện  
cháu K đang sống chung với chị. Nay chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp  
dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T cố ý vắng mặt, nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T cố ý vắng mặt. Do đó đề nghị xét xử vắng mặt chị P và anh T theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T; về con chung giao chị P nuôi dưỡng cháu K sinh ngày 22-01-2015, anh T không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chị P không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; nợ chung chị P khai không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T cố ý vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị P và anh T chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân luôn đến nay. Nên chị P có đơn yêu cầu ly hôn với anh T. Xét yêu cầu của chị P thì thấy, chị P và anh T có thời gian dài ly thân mà không gặp nhau bàn bạc về việc đoàn tụ gia đình, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T cố ý vắng mặt, chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn gia đình với chị P. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị P và anh T chung sống có 01 con chung là cháu K sinh ngày 22-01-2015, hiện cháu Khanh đang sống chung với chị P. Qua làm việc cháu P có nguyện vọng sống chung với chị P và chị P có yêu cầu nuôi dưỡng cháu K. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị P là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị P khai không có nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội về án phí, lệ phí;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T. Chị P được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, sinh ngày 22-01-2015. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0012813 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (chị P đã nộp xong).

6. Báo cho chị P, anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Giang;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Tài**